

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		225 683 233 207	243 291 181 312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25 923 108 489	32 758 656 697
1. Tiền	111	V.01	18 923 108 489	18 758 656 697
2. Các khoản tương đương tiền	112		7 000 000 000	14 000 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		52 331 151 064	55 840 930 019
1. Phải thu khách hàng	131		44 502 919 194	51 896 282 622
2. Trả trước cho người bán	132		5 969 470 911	2 163 216 001
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3 903 300 240	3 825 970 677
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2 044 539 281)	(2 044 539 281)
IV. Hàng tồn kho	140		140 456 717 001	148 150 722 531
1. Hàng tồn kho	141	V.04	140 456 717 001	148 150 722 531
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6 972 256 653	6 540 872 065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 128 102 188	1 309 953 892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2 889 937 683	3 946 927 092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	242 118 567	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 712 098 215	1 283 991 081
B/= TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		71 534 391 466	66 722 972 678
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		66 168 170 108	61 495 013 701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	52 464 816 562	48 845 903 937
- Nguyên giá	222		77 861 883 743	72 734 686 151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25 397 067 181)	(23 888 782 214)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12 114 451 942	11 960 208 160
- Nguyên giá	228		12 250 916 280	12 075 416 280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136 464 338)	(115 208 120)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1 588 901 604	688 901 604
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại			3 635 995 277	3 765 836 969
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1 730 226 081	1 462 122 008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	282 682 240	14 578 167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	110 324 661	110 324 661
3. Tài sản dài hạn khác	268		1 337 219 180	1 337 219 180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		297 217 624 673	310 014 153 990

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

 ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		175 625 022 941	188 330 024 604
I. Nợ ngắn hạn	310		171 950 717 191	185 263 518 854
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	45 884 440 282	58 563 645 976
2. Phải trả người bán	312		104 154 237 274	105 334 035 526
3. Người mua trả tiền trước	313		16 608 994 144	14 473 116 381
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3 769 169 635	4 404 726 575
5. Phải trả người lao động	315		(21 743 456)	950 616 281
6. Chi phí phải trả	316	V.17	614 312 871	368 567 614
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	556 582 514	818 080 211
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		384 723 927	350 730 290
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		3 674 305 750	3 066 505 750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3 190 600 000	2 582 800 000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		483 705 750	483 705 750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B/= VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		116 617 399 858	116 469 749 188
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	116 617 399 858	116 469 749 188
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 558 460 000	80 558 460 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14 330 550 600	14 330 550 600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8 418 398 326	8 338 011 052
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3 329 814 065	3 264 052 880
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9 980 176 867	9 978 674 656
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C/= LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		4 975 201 874	5 214 380 198
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		297 217 624 673	310 014 153 990

Người lập biểu

PHẠM HỒNG NGỌC

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN VĂN ĐỨC



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	216 138 421 135	164 242 718 392	216 138 421 135	164 242 718 392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5 786 626 915	679 587 290	5 786 626 915	679 587 290
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		210 351 794 220	163 563 131 102	210 351 794 220	163 563 131 102
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	192 784 842 481	147 237 233 003	192 784 842 481	147 237 233 003
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17 566 951 739	16 325 898 099	17 566 951 739	16 325 898 099
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	527 099 251	609 435 258	527 099 251	609 435 258
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6 410 600 707	3 202 957 848	6 410 600 707	3 202 957 848
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3 295 471 697	1 054 835 176	3 295 471 697	1 054 835 176
Chi phí bán hàng	24		11 611 933 330	10 025 400 549	11 611 933 330	10 025 400 549
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2 597 815 330	2 681 526 762	2 597 815 330	2 681 526 762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)(24+25)]	30		(2 526 298 377)	1 025 448 198	(2 526 298 377)	1 025 448 198
11. Thu nhập khác	31		4 435 967 169	1 866 468 584	4 435 967 169	1 866 468 584
12. Chi phí khác	32		1 680 613 923	2 290	1 680 613 923	2 290
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2 755 353 246	1 866 466 294	2 755 353 246	1 866 466 294
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		229 054 869	2 891 914 492	229 054 869	2 891 914 492
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	267 957 579	888 298 378	267 957 579	888 298 378
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(38 902 710)	2 003 616 114	(38 902 710)	2 003 616 114
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(348 196 918)	(222 728 071)	(348 196 918)	(222 728 071)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			309 294 208	2 226 344 185	309 294 208	2 226 344 185
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

* Ghi chú:

- Năm 2011, Công ty thay đổi cách hạch toán theo chính sách của MBV, chuyển phần doanh thu từ lợi nhuận giữ lại của hoạt động kinh doanh sang thu nhập khác.
- Công ty còn khoản thu nhập chưa ghi nhận từ Sales Campaign của MBV, tương đương 3 tỷ đồng.
- Năm 2011, MBV thay đổi chính sách Margin, giảm Fix Margin, tăng Variable Margin, và Variable Margin sẽ được MBV chi trả sau khi kết thúc mỗi quý, đã được MBV xác nhận số tiền tương đương 2,5 tỷ.

Người lập biểu



PHẠM HỒNG NGỌC

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2011

Tông Giám Đốc





 NGUYỄN VĂN ĐỨC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***QUÝ 1 NĂM 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
I/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			-	
1. Lợi nhuận trước thuế	01		229 054 869	2 891 914 492
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	1 529 541 185	1 694 261 421
- Các khoản dự phòng	03	V.3	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(551 214 249)	109 479 546
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3 295 471 697	1 054 835 176
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		4 502 853 502	5 750 490 635
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5 041 395 345	33 553 798 659
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4 865 604 203	(59 996 637 215)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1 402 497 046)	29 771 203 584
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		823 408 587	96 060 668
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3 007 133 549)	(1 177 160 176)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1 090 376 489)	(792 201 606)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6 200 000)	(108 614 212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9 727 054 553	7 096 940 337
II/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5 793 078 313)	(1 429 662 627)
2. Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	V.7	1 545 782 445	6 604 000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(146 400 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	50 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1 000 000 000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	361 529 445	274 276 011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3 885 766 423)	(295 132 616)
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	-
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Trả vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	101 142 463 936	52 044 685 676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(113 819 300 274)	(64 720 179 711)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	-	(41 280 000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12 676 836 338)	(12 716 774 035)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6 835 548 208)	(5 914 966 314)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32 758 656 697	14 833 172 953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	25 923 108 489	8 918 206 639

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế Toán trưởng


PHẠM HỒNG NGỌC

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

Tổng Giám Đốc


NGUYỄN VĂN ĐỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.

4. **Tổng số các Công ty con** : 2

5. Chi tiết Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 66,41 %
Quyền biểu quyết	: 66,41 %

Tên Công ty	: Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 274, 30/4, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 66,41 %
Quyền biểu quyết	: 66,41 %

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong cùng Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong cùng Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh: phương pháp thực tế đích danh.
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	3 – 15

7. Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế Công ty chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{12}$ tháng lương (đối với Công ty mẹ) và 3% quỹ lương (đối với Công ty con) làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông tại công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ riêng của từng Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong cùng Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/03/2011 : 20.910 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền :**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	4 240 738 584	1 425 571 126
Tiền gửi ngân hàng	14 682 369 905	17 333 085 571
Các khoản tương đương tiền	7 000 000 000	14 000 000 000
Cộng	25 923 108 489	32 758 656 697

2. Đầu tư ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	-	-

3. Phải thu khách hàng:

Phải thu tiền bán xe và sửa chữa xe ô tô

4. Trả trước cho người bán:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	5 969 470 911	2 163 216 001
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	5 969 470 911	2 163 216 001

5. Các khoản phải thu khác :

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Cty CP QL Quỹ ĐT CK An Phúc	3 000 000 000	3 000 000 000
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn nộp thừa	-	2 944 128
Phải thu tiền chiết khấu của Cty TNHH LD SX Ô Tô Ngôi Sao	185 476 500	512 500 000
Khoản phải thu khác	717 823 740	310 526 549
Cộng	3 903 300 240	3 825 970 677

6. Hàng tồn kho :

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	16 211 438 405	12 342 965 977
Hàng hóa	124 245 278 596	135 807 756 553
Cộng	140 456 717 001	148 150 722 530

Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	145 220 885	166 240 132
Công cụ, dụng cụ	357 019 543	177 155 495
Chi phí khác	1 625 861 760	966 558 265
Cộng	2 128 102 188	1 309 953 892

8. Tài sản ngắn hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	1 690 193 382	1 262 096 787
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20 501 477	20 490 938
Tài sản thiếu chờ xử lý	1 403 356	1 403 356
Cộng	1 712 098 215	1 283 991 081

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá đầu quý	35 206 727 592	5 261 562 498	29 023 420 810	2 352 310 608	302 374 643	72 146 396 151
Mua sắm mới	-	262 518 550	7 258 639 615	142 863 636	-	7 664 021 801
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1 948 534 209)	-	-	(1 948 534 209)
Chuyển sang góp vốn	-	-	-	-	-	-
Số cuối quý	35 206 727 592	5 524 081 048	34 333 526 216	2 495 174 244	302 374 643	77 861 883 743
Gia trị hao mòn đầu quý	13 131 346 576	3 343 717 182	5 313 323 127	1 828 148 400	272 246 929	23 888 782 214
Khấu hao	860 734 713	132 633 849	932 802 606	84 950 887	175 350	2 011 297 405
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(503 012 438)	-	-	(503 012 438)
Số cuối quý	13 992 081 289	3 476 351 031	5 743 113 295	1 913 099 287	272 422 279	25 397 067 181
Gia trị còn lại đầu quý	12 559 949 243	1 985 703 991	19 459 894 923	859 089 384	30 829 450	34 895 466 991
Số cuối quý	21 214 646 303	2 047 730 017	28 590 412 921	582 074 957	29 952 364	52 464 816 562

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình:

Chi tiêu	Số đầu quý	Tăng trong năm	Gia trị hao mòn	Số cuối quý
Quyền sử dụng đất	11 646 416 800	-	-	11 646 416 800
Phần mềm quản lý	313 791 360	175 500 000	21 256 218	468 035 142
Cộng	11 960 208 160	175 500 000	21 256 218	12 114 451 942

11. Đầu tư tài chính dài hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư mua trái phiếu	-	-
Cộng	-	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí khác	282 682 240	14 578 167
Cộng	282 682 240	14 578 167

13. Tài sản dài hạn khác, kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
CN Tổng công ty Bến Thành	932 969 180	932 969 180
Tài sản dài hạn khác	404 250 000	-
Cộng	1 337 219 180	932 969 180

14. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	45 319 440 282	57 384 583 476
Vay ngắn hạn Ngân hàng HSBC	44 314 440 282	52 447 583 476
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN CN Cần Thơ	1 005 000 000	4 937 000 000
Vay ngắn hạn khác bằng phát hành kỳ phiếu nội bộ	368 662 500	368 662 500
Vay dài hạn đến hạn trả	196 337 500	810 400 000
Cộng	45 884 440 282	58 563 645 976

*Khoản vay Ngân Hàng TM Cổ Phần Kỹ Thương - Chi Nhánh Cần Thơ theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 33/09K/HĐHMTD/TCB-CTH Ngày 11 tháng 03 năm 2009 để bổ sung vốn kinh doanh xe ô tô.

15. Phải trả người bán:

Phải trả nhà cung cấp trong nước tiến hàng hóa, dịch vụ.

16. Người mua trả tiền trước:

Khách hàng ứng trước tiền mua xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4 240 629 871	488 762 900	(1 090 376 489)	3 676 024 092
Thuế thu nhập cá nhân	164 096 704	423 527 580	(563 169 792)	24 454 492
Tiền thuê đất	-	216 823 851	(148 132 800)	68 691 051
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	4 404 726 575	1 129 114 331	(1 801 679 081)	3 769 169 635

18. Phải trả người lao động:

Lương còn phải trả.

19. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí Mercedes Finance Program	43 680 429	302 153 627
Chi phí lãi vay	10 400 304	46 413 987
Chi phí thuê mặt bằng Showroom NVC	560 232 138	20 000 000
Cộng	614 312 871	368 567 614

20. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	(59 412 724)	208 878 846
Bảo hiểm thất nghiệp	(6 456 205)	3 048 476
Tiền thuê kho phải trả Samco	383 000 000	383 000 000
Vật tư thừa	-	-
Hàng thừa chờ xử lý	12 640 835	12 968 735
Chi trả cổ tức năm 2009	86 875 200	86 875 200
Haxaco (Công ty Mẹ)	86 875 200	86 875 200
Cameco (Công ty Con)	-	-
Các khoản phải trả khác	133 479 203	123 308 954
Cộng	556 582 514	904 955 411

21. Vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	80 558 460 000	14 330 550 600	8 338 011 052	3 264 052 880	9 978 674 656	116 469 749 188
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	80 387 274	138 371 423	(365 402 235)	(146 643 538)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	309 294 208	309 294 208
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	80 558 460 000	14 330 550 600	8 418 398 326	3 402 424 303	9 922 566 629	116 632 399 858

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà Nước	26 287 860 000	26 287 860 000
Vốn góp của các cổ đông khác	54 270 600 000	54 270 600 000
Thặng dư vốn cổ phần	14 330 550 600	14 330 550 600
Cộng	94 889 010 600	94 889 010 600

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty con)

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty Mẹ	11 617 900 000	5 808 950 000
Vốn góp của Cổ đông khác	5 876 050 000	4 191 050 000
Cộng	17 493 950 000	10 000 000 000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011****Cổ phiếu** (đang lưu hành với mệnh giá 10.000VND/CP).

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8 055 846	8 055 846
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm	-	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông	-	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8 055 846	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông	8 055 846	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

* Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.

* Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Chi trong kỳ	Số cuối quý
Quỹ phúc lợi	350 730 290	40 193 637	(6 200 000)	384 723 927
Cộng	350 730 290	40 193 637	(6 200 000)	384 723 927

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Chi tiêu	Số quý này
Tổng doanh thu :	216 138 421 135
- Doanh thu bán xe ô tô	192 007 479 901
- Doanh thu sửa chữa, bán phụ tùng	23 397 366 189
- Doanh thu khác	733 575 045
Các khoản giảm trừ doanh thu	5 786 626 915
- Hàng bán bị trả lại	5 786 626 915
Doanh thu thuần	210 351 794 220

2. Giá vốn hàng bán:

Chi tiêu	Số quý này
Tổng giá vốn :	192 784 842 481
- Giá vốn bán xe ô tô	174 226 695 809
- Giá vốn sửa chữa, bán phụ tùng	18 387 947 992
- Giá vốn khác	170 198 680

3. Doanh thu hoạt động tài chính :

Chi tiêu	Số quý này
- Lãi tiền gửi	330 812 137
- Hoạt động đầu tư chứng khoán	-
- Thu nhập khoán đầu tư chứng khoán	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Lãi cho vay vốn	78 096 621
- Lãi phạt quá hạn thanh toán	3 098 660
- Lãi từ cổ tức	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011**

- Doanh thu tài chính khác	115 091 833
Cộng	527 099 251

4. Chi phí tài chính:

Chi tiêu	Số quý này
- Trả lãi tiền vay	3 295 471 697
- Hoạt động đầu tư chứng khoán	-
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	3 115 129 010
Cộng	6 410 600 707

5. Chi phí bán hàng:

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí nhân viên	1 432 580 749
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388 075 373
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1 593 368 010
- Chi phí ngân hàng	185 637 570
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1 529 983 005
- Chi phí khác	6 482 288 622
Cộng	11 611 933 329

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp :

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí nhân viên quản lý	1 516 444 118
- Chi phí VPP, vật liệu quản lý	51 931 314
- Chi phí dụng cụ quản lý	26 686 725
- Chi phí khấu hao TSCĐ	168 436 483
- Thuế, phí và lệ phí	154 614 465
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	71 606 125
- Chi phí bằng tiền khác	608 096 100
Cộng	2 597 815 330

7. Thu nhập khác:

Chi tiêu	Số quý này
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1 545 454 545
- Thu nhập từ các khoản khác	2 890 512 624
Cộng	4 435 967 169

8. Chi phí khác:

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí thanh lý TSCĐ	1 445 521 771
- Chi phí khác	235 092 152
Cộng	1 680 613 923

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15 955 225 719
- Chi phí nhân công	4 045 727 848
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2 034 911 730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2 709 981 486
- Chi phí khác	8 800 132 345
Cộng	33 545 979 128

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thu nhập của Thành viên Ban Tổng Giám Đốc:**

Chi tiêu	Số quý này
- Tiền lương	238 800 000
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2 103 495
Cộng	240 903 495

Về chính sách kế toán, hiện tại công ty vẫn áp dụng các chuẩn kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005, Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 21/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006 như sau :

- VAS 11 Hợp nhất kinh doanh.
- VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.
- VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- VAS 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- VAS 28 Báo cáo bộ phận.
- VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- VAS 30 Lãi trên cổ phiếu.

Ngoài ra, công ty vẫn áp dụng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành theo Quyết định số 15/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/09 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kế toán.

Trong thời gian thực hiện các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính quý này và các quý trước của Công ty.

2. Một số thuyết minh khác:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh có số âm là do Công ty thay đổi cách hạch toán, chuyển phần doanh thu từ tiền thưởng bán hàng sang thu nhập khác.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý 1 năm 2011 giảm 92,08 so với Quý 1 năm 2010 và giảm 89,77% so với Quý 4 năm 2010 do trong Quý 1 năm 2011, công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập từ Sales Campaign của MBV, và năm 2011 MBV có thay đổi chính sách chi trả tiền Margin (hoa hồng đại lý) giảm Fix Margin và tăng Variable Margin-khoản tiền này sẽ được MBV chi trả sau khi kết thúc mỗi quý, đã được MBV xác nhận tương đương số tiền 2,5 tỷ. (xem Cover Letter đính kèm)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011****3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong Quý 4 năm 2010:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 1/2011
Cơ cấu tài sản :		
- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	75,93
- Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	24,07
Cơ cấu nguồn vốn :		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	59,08
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	39,24
Khả năng thanh toán :		
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,73
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,31
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,50
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	1,15
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,87
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	1,17
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2,25

Người lập


PHẠM HỒNG NGỌC

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP.HCM, Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN ĐỨC




Mercedes-Benz

DEALER VARIABLE MARGIN TARGET ACHIEVEMENT 2011

Dealer	Haxaco
Quarter	1
Month	Mar-11



Network Development 2011



Mercedes-Benz

COVER LETTER

Margin Q1 2011

Dear Mr Duc,

It is our pleasure to communicate to you your Margin Q1 2011 results. In general we are 60% up vs. previous year, thank you for this great performance! Apart from that, all dealers have strictly followed our Compliance regulations as per dealer circular 10/2010 and thereby qualify for the payout of variable margin.

Transaction Audit

We have screened your transactions January – February 2011 and found no evidence of transactions with government related entities or persons or the usage of third party intermediaries w/o the direct involvement of MBV.

Some findings, however, occurred towards the regulations of customer data accuracy in COMSYS as depicted in circular 1/2011, such as incorrect telephone numbers or missing e-mail addresses. As it was the first Audit of it's kind we will pay out the margin of Q1 w/o any delay and request you to correct COMSYS data until the next audit is conducted in June pertaining your transactions January – Mai 2011.

KPI

In Q1 none of the qualitative KPIs have been evaluated. Therefore quantitative margin will be paid out only based on your retail sales performance over last year, the country-wide achieved market share development and your achieved stock reach.

Your achievements results to

	Target Achievement	Payout
Retail Achievement PC	130.46%	
Market Share Achievement	118.94%	
Stock Reach	93.55%	
	(loss of 6.45% ~ S 8,467.9)	
Total Achievement PC (Margin %)	3.08%	S 122,784.48
	Target Achievement	Payout
Retail Achievement CV	47.56%	
Market Share Achievement	46.39%	
Stock Reach	100.00%	
Total Achievement CV (Margin %)	00.00%	S 00.00

12



Mercedes-Benz

Mercedes-Benz
Vietnam Ltd.

Internal Audit Check List – Quarterly Transaction Audit Dealer

Period of audit: Jan-Feb 2011
Dealer: HAX

Audit date: 18.04.11

Control Objective Number	REA0205	Control Activity
--------------------------	---------	------------------

Control Activity

- Ensure controls and adherence of Daimler Anti Bribery and Compliance guidelines of transactions with government related entities or persons and the usage of third party intermediaries as per Dealer Circular No. 010/2010 dated 19th Oct 2010.
 - To identify correctness of customer data to perform above verification (name, address, phone number, email)
1. The use of intermediaries such as agents, re-seller or consultants other than the authorized network partners for all new sales of vehicles is strictly prohibited.
 2. It is strictly prohibited to do any kind of sales transactions for new cars with government related entities or persons. MBV will engage directly with government, i.e. invoice directly to the end customer, and authorized network partners will be permitted to serve as intermediaries based on fixed, standard commissions according to valid pricing scheme.
 3. Sales of used vehicle to government related entities or persons require prior approval from MBV.
 4. Dealer to provide complete and comprehensive customer information to be recorded in COMSYS, to ensure the transparency.

Findings

1. Transaction price in the sales contract is not the same with COMSYS or sales Invoice (4 of 20)
2. No sales transaction with discrepancy to the list price more than 2%
3. Transaction date in COMSYS vs. Invoice are not match
4. Most phone number in COMSYS considered as in-correct numbers. Most of them are duplicate number
5. From the updated telephone list (excel file) 9 of 10 customers can be contacted
6. Most of contacted customer is not the end user (spouse, secretary, son, driver, etc)

Dealer comments:

1. Negotiation result
2. Dealer explained that they update COMSYS at later stage.
3. The Sales person keep customers detail info

ACTIONS

1. Dealer is encouraged to make proper sales contract, (Comsys, invoice, sales contract has to be match)
2. Encourage dealer to keep COMSYS updated
3. Remind dealer management to take control of customer data (correct mailing address, Phone number, email)

According to above audit result the dealer is eligible for variable margin

YES ☒

NO ☐

Checked/reviewed by:

Martin Schulz
S&M Director

Temmy Wiradjaja
Deputy S&M Director

Date:

21.4.11

21.4.11